TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI NƯỚC** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 178/2018/HNGĐ - ST
Ngày 21 - 8 - 2018
V/v Tranh chấp Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hà Thanh Khiết**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Văn Hành**

Ông **Nguyễn Văn Mầm**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Hồ Văn Mil** - Thư ký Tòa án

Trong ngày 21 tháng 8 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 253/2018/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp Ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 246/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trương Thanh Tu** – sinh năm 1993 (Có mặt)
Cư trú tại: Ấp TÁ, xã PH, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.
- *Bị đơn:* Anh **Bùi Dương L** – sinh năm 1990 (Vắng mặt)
Cư trú tại: Ấp TÁ, xã PH, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 5 năm 2018 và tại phiên tòa chị Trương Thanh Tu trình bày:

Về hôn nhân: Chị Trương Thanh Tu và anh Bùi Dương L kết hôn vào ngày 05 tháng 3 năm 2012 có đăng ký kết hôn tại UBND xã PH, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm nên thường hay cự cải, anh L không còn trách nhiệm với gia đình, thời gian gần đây anh L thường xuyên vắng nhà, không quan tâm đến gia đình, chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh L không sửa đổi mà ngày càng làm cho cuộc sống của vợ chồng ngày càng rơi vào bế tắc và tham gia vào tệ nạn cờ bạc. Nay chị xét thấy tình cảm gia đình không còn hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cái Nước giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Dương L.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị Tu và anh L có với nhau 02 con chung tên Bùi Trương Nguyễn H, sinh ngày 09 tháng 9 năm 2012 và Bùi

Nguyễn Trương H, sinh ngày 16 tháng 6 năm 2014 hiện nay các con đang sống với anh L và ông bà nội. Khi ly hôn chị Tu yêu cầu giao con cho anh L trực tiếp nuôi con, chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Tu xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và nợ riêng: Chị Tu xác định vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1] Tranh chấp giữa Chị Trương Thanh Tu và anh Bùi Dương L là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc Ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Anh Bùi Dương L có địa chỉ cư trú tại ấp Tân Ánh, xã Phú Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Do đó Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nhận định của Tòa án về nội dung tranh chấp của vụ án:

Về hôn nhân: Chị Tu và anh L kết hôn ngày 05 tháng 3 năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã PH, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật HNGĐ năm 2014 thì Chị Trương Thanh Tu có quyền yêu cầu giải quyết việc ly hôn. Yêu cầu của chị Tu đã được Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và pháp luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau tiến hành hòa giải tại Tòa án theo quy định tại Điều 54 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên anh Bùi Dương L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không lý do. Do đó Tòa án nhân dân huyện Cái Nước không tiến hành hòa giải được vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân huyện Cái Nước căn cứ vào Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Đồng thời Tòa án nhân dân huyện Cái Nước căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với anh L.

Xét thấy tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa chị Tu cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm trong cuộc sống nên chị không thể tiếp tục sống chung với anh L được nữa nên yêu cầu ly hôn với anh L. Tòa án xét thấy anh Bùi Dương L đã được thông báo về việc chị Thanh Tuyền yêu cầu ly hôn với anh, nhưng anh L không có ý kiến và cũng không có bất kỳ văn bản nào thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị Tu. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn của anh L và chị Tu đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Tòa án chấp nhận cho chị Tu được ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị Tu xác định vợ chồng có với nhau được 02 con chung tên Bùi Trương Nguyễn Huỳnh, sinh ngày 09 tháng 9 năm 2012 và Bùi Nguyễn Trương Huỳnh, sinh ngày 16 tháng 6 năm 2014 hiện nay các con đang sống với anh L và ông bà nội. Khi ly hôn chị Tu yêu cầu giao con cho anh L trực tiếp nuôi con, chị không phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy các cháu đang còn nhỏ và hiện tại đang sống với anh L và ông bà nội. Hơn nữa anh L đã được thông báo về việc chị Tu yêu cầu được ly hôn và giao con chung cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chị Tu không phải cấp dưỡng nuôi con, nhưng anh L không có ý kiến và cũng không có bất cứ văn bản nào thể hiện ý kiến của mình về việc chị Tu yêu cầu giao con cho anh L nuôi dưỡng. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Tu, giao các cháu Bùi Trương Nguyễn H, sinh ngày 09 tháng 9 năm 2012 và Bùi Nguyễn Trương H, sinh ngày 16 tháng 6 năm 2014 cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Chị Tu không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Tu không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Tòa án không đặt ra xem xét. Nếu sau này chị Tu và anh L có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì chị Tu và anh L đều có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác theo quy định pháp luật.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm Chị Trương Thanh Tu phải nộp 300.000 đồng theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giãm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Trương Thanh Tu đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004434 ngày 07 tháng 5 năm 2018. Chị Trương Thanh Tu đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các điều 28; 35; 39; 147, 227, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Các điều 9, 14, 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81 và 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giãm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị **Trương Thanh Tu** ly hôn với anh **Bùi Dương L**.

[2] Về con chung: Giao các cháu **Bùi Trương Nguyễn H**, sinh ngày 09 tháng 9 năm 2012 và Bùi **Nguyễn Trương H**, sinh ngày 16 tháng 6 năm 2014 cho anh Bùi Dương L tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên.

Chị Tu không phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Tu không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Tòa án không đặt ra xem xét. Nếu sau này chị Tu và anh L có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì chị Tu và anh L đều có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác theo quy định pháp luật.

[4] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trương Thanh Tu phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng. Chị Trương Thanh Tu đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004434 ngày 07 tháng 5 năm 2018. Chị Trương Thanh Tu đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a ,7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Bùi Dương L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- UBND xã Phú Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thanh Khiết